

**DANH SÁCH DỰ KIẾN CÔNG NHẬN GIÁ TRỊ CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP  
HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT - ĐỢT 2 NĂM 2025**

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên             | Ngày sinh  | Lớp           | Bóng<br>chuyên | Điền<br>kinh | Bóng<br>rổ | Bơi<br>lội | Cầu<br>lông | TD<br>ND | Bóng<br>bàn | Bóng<br>đá | Việt võ<br>đạo | Mua<br>y thái | Kết quả<br>New | Kết quả        | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------|------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|----------|-------------|------------|----------------|---------------|----------------|----------------|---------|
| 1   | 2363306002   | Đỗ Khang Bình         | 06/05/2002 | 23CDK19-QT3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 2   | 2363906016   | Nguyễn Thị Ngọc Dung  | 20/06/1990 | 23CDK19QT3.TN |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 3   | 2363906017   | Cao Ngọc Lâm          | 22/12/2001 | 23CDK19QT3.TN |                |              |            | x          | x           |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 4   | 2363906003   | Trương Nhựt Minh      | 03/06/1992 | 23CDK19QT3.TN |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 5   | 2363906018   | Phạm Thị Hồng Ngọc    | 25/06/1990 | 23CDK19QT3.TN | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 6   | 2363906019   | Võ Thị Như Quỳnh      | 26/08/1996 | 23CDK19QT3.TN |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 7   | 2363906012   | Phan Hoàng Thu Trâm   | 12/10/1996 | 23CDK19QT3.TN |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 8   | 2363906010   | Tô Thị Ánh Tuyết      | 13/01/1993 | 23CDK19QT3.TN |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 9   | 2363906020   | Lê Thị Cát Tường      | 17/11/2000 | 23CDK19QT3.TN |                | x            |            |            | x           |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 10  | 2363906014   | Phạm Đình Thảo Vy     | 27/03/2000 | 23CDK19QT3.TN |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 11  | 2362906002   | Nguyễn Thị Xuân Hồng  | 28/03/1998 | 23DH2K9QT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 12  | 2362906008   | Trần Nguyễn Huy Khang | 03/06/1996 | 23DH2K9QT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 13  | 2362906003   | Lê Quan Khải          | 02/03/1993 | 23DH2K9QT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 14  | 2362906006   | Nguyễn Chí Thành      | 09/01/1994 | 23DH2K9QT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 15  | 2362906007   | Nguyễn Nhựt Trường    | 12/09/1996 | 23DH2K9QT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 16  | 2463106036   | Bùi Thị Hậu           | 02/12/1996 | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 17  | 2463106025   | Ngô Khang Nam         | 20/8/1999  | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 18  | 2463106013   | Nguyễn Ngọc Nhà       | 30/01/2003 | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 19  | 2463106015   | Trương Yến Nhi        | 08/12/1992 | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 20  | 2463106033   | Trần Thị Kim Oanh     | 20/9/2000  | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 21  | 2463106027   | Nguyễn Thị Hồng Quyền | 24/4/2001  | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 22  | 2463106018   | Hoàng Kim Sơn         | 16/01/1989 | 24V.CQT1.1NK  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 23  | 2463106028   | Trịnh Thị Thanh Thúy  | 05/6/2003  | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 24  | 2463106021   | Nguyễn Thị Huyền Trân | 12/11/2003 | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 25  | 2463106024   | Phan Thị Thanh Tuyền  | 18/01/1996 | 24V.CQT1.1NK  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 26  | 2463306018   | Lê Phạm Quốc Hiệp     | 23/04/1997 | 24V.CQT20.3NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 27  | 2463306034   | Đoàn Khánh            | 08/03/2003 | 24V.CQT20.3NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 28  | 2463306036   | Nguyễn Trà My         | 07/08/2004 | 24V.CQT20.3NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 29  | 2463306030   | Phạm Tấn Ngọc         | 08/11/2001 | 24V.CQT20.3NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 30  | 2463306013   | Nguyễn Thị Xuân Thảo  | 30/01/1989 | 24V.CQT20.3NK |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 31  | 2363307014   | Farita Ally           | 31/07/1984 | 23CDK19-MA3   | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên              | Ngày sinh  | Lớp           | Bóng<br>chuyền | Điền<br>kinh | Bóng<br>rổ | Bơi<br>lội | Cầu<br>lông | TD<br>NB | Bóng<br>bàn | Bóng<br>đá | Việt võ<br>đạo | Mua<br>y thái | Kết quả<br>New | Kết quả        | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------|------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|----------|-------------|------------|----------------|---------------|----------------|----------------|---------|
| 32  | 2363307001   | Lê Ngọc Minh Anh       | 10/04/1999 | 23CDK19-MA3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 33  | 2363307019   | Phạm Thị Thùy Dung     | 28/02/1995 | 23CDK19-MA3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 34  | 2363307023   | Nguyễn Đoàn Quang Huy  | 22/08/1998 | 23CDK19-MA3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 35  | 2363307024   | Chúc Nguyễn Thanh Tùng | 02/08/2001 | 23CDK19-MA3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 36  | 2461307024   | Nguyễn Minh Đức        | 10/02/2002 | 24V.PMA20.3NK |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 37  | 2362901008   | Trần Thị Ngọc Giàu     | 11/10/1993 | 23DH2K8KT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 38  | 2362901002   | Nguyễn Lê Hải          | 01/08/1988 | 23DH2K8KT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 39  | 2362901006   | Ngô Thị Kim Phụng      | 10/05/1998 | 23DH2K8KT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 40  | 2362901013   | Nguyễn Thị Nam Phương  | 12/07/1982 | 23DH2K8KT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 41  | 2362901007   | Nguyễn Hoàng Tiến      | 12/07/1994 | 23DH2K8KT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 42  | 2362901001   | Thái Duy Tuấn          | 27/05/2000 | 23DH2K8KT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 43  | 2362101001   | Nguyễn Thị Thu Thảo    | 18/03/1998 | 23DH2K8KT1    |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 44  | 2363901016   | Nguyễn Thị Xuân An     | 11/11/1993 | 23CDK19KT.TN  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 45  | 2363901002   | Trần Công Minh         | 20/05/2000 | 23CDK19KT.TN  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 46  | 2363901004   | Nguyễn Thị Ngân Quỳnh  | 20/01/1991 | 23CDK19KT.TN  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 47  | 2363901017   | Lê Duy Thanh           | 29/03/1991 | 23CDK19KT.TN  | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 48  | 2363901010   | Nguyễn Thị Thanh Thùy  | 29/07/2001 | 23CDK19KT.TN  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 49  | 2363901015   | Bùi Minh Thư           | 07/11/1983 | 23CDK19KT.TN  |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 50  | 2363901003   | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 16/05/1993 | 23CDK19KT.TN  | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 51  | 2363301031   | Lê Thị Tiền Giang      | 16/08/2000 | 23CDK19-KT3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 52  | 2363301020   | Nguyễn Thị Thanh Hương | 21/01/1995 | 23CDK19-KT3   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 53  | 2363301006   | Hoàng Văn Mỹ Linh      | 10/12/1999 | 23CDK19-KT3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 54  | 2363301017   | Trần Thảo Minh         | 11/05/2000 | 23CDK19-KT3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 55  | 2363301029   | Trần Nguyễn Huyền Trân | 30/04/2001 | 23CDK19-KT3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 56  | 2362301002   | Huỳnh Thanh Luân       | 25/02/1996 | 23DH2K9-KT3   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 57  | 2462401001   | Phan Thị Kiều Diễm     | 06/06/1991 | 24V.DKT10.4NK |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 58  | 2462401002   | Trương Thị Mỹ Diễm     | 16/09/1996 | 24V.DKT10.4NK |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 59  | 2462401007   | Lương Thị Thanh Thảo   | 25/01/1997 | 24V.DKT10.4NK |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 60  | 2462901005   | Nguyễn Thị Thu Thủy    | 05/06/1999 | 24V.DKT10.4TN |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 61  | 2363304008   | Nguyễn Hoàng Nam       | 15/10/1998 | 23CDK19-TC3   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn |         |
| 62  | 2463204016   | Chu Thị Kim Anh        | 13/06/2000 | 24V.CTC20.2NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 63  | 2463204015   | Đỗ Thị Mỹ Duyên        | 10/05/2003 | 24V.CTC20.2NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 64  | 2463204031   | Trần Thị Kim Hoa       | 24/07/1992 | 24V.CTC20.2NK |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 65  | 2463204029   | Đào Thị Hương          | 21/04/1993 | 24V.CTC20.2NK |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt            |         |
| 66  | 2463204022   | Phạm Ngọc Nam          | 17/09/2000 | 24V.CTC20.2NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 67  | 2463204014   | Nguyễn Tấn Phong       | 05/8/2003  | 24V.CTC20.2NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 68  | 2463204026   | Đoàn Ngọc Thanh        | 19/07/2003 | 24V.CTC20.2NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |
| 69  | 2463204008   | Lê Thị Phương Thảo     | 30/06/1989 | 24V.CTC20.2NK |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên               | Ngày sinh  | Lớp              | Bóng chuyền | Điền kinh | Bóng rổ | Bơi lội | Cầu lông | TD ND | Bóng bàn | Bóng đá | Việt võ đạo | Mua y thái | Kết quả New | Kết quả        | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------|------------|------------------|-------------|-----------|---------|---------|----------|-------|----------|---------|-------------|------------|-------------|----------------|---------|
| 70  | 2463204025   | Võ Thị Anh Thơ          | 16/08/2003 | 24V.CTC20.2NK    |             | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 1HP tự chọn |         |
| 71  | 2463204032   | Lê Thị Huyền Trâm       | 19/06/1991 | 24V.CTC20.2NK    |             | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 1HP tự chọn |         |
| 72  | 2463204005   | Huỳnh Thanh Trúc        | 30/12/2000 | 24V.CTC20.2NK    |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 73  | 2463204020   | Nguyễn Phương Uyên      | 30/10/1994 | 24V.CTC20.2NK    |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 74  | 2463204019   | Nguyễn Thanh Xuân       | 18/9/1994  | 24V.CTC20.2NK    |             | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 1HP tự chọn |         |
| 75  | 2272110069   | Nguyễn Lê Chiêu         | 30/08/1984 | 22XDH2K1-TA1.LTT |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 76  | 2272110026   | Nguyễn Tấn Hưng         | 17/08/1999 | 22XDH2K1-TA1.LTT |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 77  | 2272110068   | Đặng Giao Niên          | 27/01/2000 | 22XDH2K1-TA1.LTT |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 78  | 2272110079   | Dương Trọng Phúc        | 06/08/1987 | 22XDH2K1-TA1.LTT |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 79  | 2272110032   | Phan Nguyễn Trúc Phương | 28/01/1992 | 22XDH2K1-TA1.LTT |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 80  | 2272110006   | Nguyễn Thị Mộng Kiều    | 18/09/1999 | 22XDH2K1-TA1.VT  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 81  | 2272110013   | Trần Sách Thắng         | 02/09/1994 | 22XDH2K1-TA1.VT  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 82  | 2272110014   | Nguyễn Văn Thường       | 23/03/1988 | 22XDH2K1-TA1.VT  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 83  | 2272110017   | Phan Thị Ngọc Truyền    | 03/02/1996 | 22XDH2K1-TA1.VT  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 84  | 2272110020   | Đoàn Văn Tuyển          | 08/03/1990 | 22XDH2K1-TA1.VT  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 85  | 2362210073   | Dương Thái Phương       | 12/08/1983 | 23DH2K9-TA2.AG   |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 86  | 2362310024   | Lại Hoàng Toàn          | 08/04/1984 | 23DH2K9-TA2.AG   |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 87  | 2362210057   | Chung Bích Ngọc         | 25/08/1978 | 23DH2K9-TA2.Q7   |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 88  | 2362210086   | Nguyễn Thị Hồng Nhung   | 25/02/1984 | 23DH2K9-TA2.Q7   |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 89  | 2362210079   | Nguyễn Hùng Phương      | 01/06/1988 | 23DH2K9-TA2.Q7   | x           | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 1HP tự chọn |         |
| 90  | 2362210067   | Lê Thị Mỹ Tiên          | 15/12/1986 | 23DH2K9-TA2.Q7   |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 91  | 2362210066   | Nguyễn Thị Hà Trang     | 29/10/1985 | 23DH2K9-TA2.Q7   |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 92  | 2362210041   | Nguyễn Bảo Trung        | 19/12/1991 | 23DH2K9-TA2.Q7   |             | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 2HP tự chọn |         |
| 93  | 2372210093   | Nguyễn Công Đức         | 02/09/1990 | 23XDH2K2-TA2.AG  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 94  | 2372210103   | Nguyễn Thị Vàng Anh     | 10/02/1993 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 95  | 2372210067   | Lê Thị Mỹ Dung          | 09/05/1974 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 3HP tự chọn |         |
| 96  | 2372210065   | Trần Mỹ Dung            | 08/03/1989 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 97  | 2372210068   | Nguyễn Tiến Dũng        | 10/08/1990 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 2HP tự chọn |         |
| 98  | 2372210070   | Bùi Trương Hải Đăng     | 04/12/1987 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 99  | 2372210121   | Nguyễn Thanh Tú Em      | 01/01/1983 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 100 | 2372210071   | Lê Văn Giàu             | 24/10/1978 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             | x         |         | x       |          |       |          |         | x           |            |             | BS 1HP tự chọn |         |
| 101 | 2372210122   | Mai Hương               | 018/3/1993 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 102 | 2372210119   | Đoàn Thị Ánh Mai        | 020/5/1983 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 2HP tự chọn |         |
| 103 | 2372210079   | Phạm Toàn Ngọc          | 05/03/1985 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 2HP tự chọn |         |
| 104 | 2372210086   | Nguyễn Thị Kim Trà      | 16/06/1997 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 105 | 2372210056   | Nguyễn Tuyết Trần Trân  | 12/10/1999 | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 106 | 2372210088   | Đỗ Hồng Văn             | 07/4/1991  | 23XDH2K2-TA2.Q8  |             |           |         |         |          |       |          |         |             |            |             | Đạt            |         |
| 107 | 2372210089   | Nguyễn Xuân Việt        | 20/04/1991 | 23XDH2K2-TA2.Q8  | x           | x         |         | x       |          |       |          |         |             |            |             | BS 1HP tự chọn |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên                 | Ngày sinh  | Lớp             | Bóng<br>chuyền | Điền<br>kinh | Bóng<br>rổ | Bơi<br>lội | Cầu<br>lông | TD<br>NĐ | Bóng<br>bàn | Bóng<br>đá | Việt võ<br>đạo | Mua<br>y thái | Kết quả<br>New | Kết quả         | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------------|------------|-----------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|----------|-------------|------------|----------------|---------------|----------------|-----------------|---------|
| 108 | 2372210001   | Phạm Thị Thúy An          | 18/9/1985  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 109 | 2372210008   | Đặng Ngọc Diệu            | 01/10/1985 | 23XDH2K2-TA2.VT |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 110 | 2372210009   | Phạm Khánh Duy            | 18/9/1999  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 111 | 2372210010   | Trương Văn Dương          | 30/01/1978 | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 112 | 2372210107   | Nguyễn Việt Hà            | 08/10/1978 | 23XDH2K2-TA2.VT |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 113 | 2372210012   | Phan Thị Ngọc Hà          | 24/4/1986  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 114 | 2372210013   | Trần Phương Hà            | 23/4/1981  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 115 | 2372210019   | Phạm Thị Huệ              | 08/12/1983 | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 116 | 2372210129   | Trần Hoàng Kim            | 03/8/1986  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 117 | 2372210028   | Nguyễn Thùy Linh          | 16/10/1985 | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 118 | 2372210127   | Nguyễn Văn Nghĩa          | 25/7/1985  | 23XDH2K2-TA2.VT | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 119 | 2372210033   | Ngô Thị Thảo Nguyên       | 28/4/1981  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 120 | 2372210034   | Nguyễn Thị Minh Nguyệt    | 10/01/1983 | 23XDH2K2-TA2.VT | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 121 | 2372210035   | Phạm Minh Nhật            | 02/8/1992  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 122 | 2372210038   | Phùng Minh Phương         | 17/5/1982  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 123 | 2372210039   | Nguyễn Minh Quang         | 24/01/1979 | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 124 | 2372210040   | Nguyễn Hữu Quyết          | 26/9/1979  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 125 | 2372210044   | Đào Thị Vân Thanh         | 16/7/1986  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 126 | 2372210045   | Lưu Ngọc Hoàn Thịnh       | 27/10/1986 | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 127 | 2372210114   | Trần Văn Thọ              | 25/6/1988  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 128 | 2372210046   | Vũ Thị Thơ                | 20/4/1988  | 23XDH2K2-TA2.VT |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 129 | 2372210052   | Nguyễn Thị Thủy           | 10/01/1987 | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 130 | 2372210053   | Vũ Ngọc Anh Thư           | 17/8/2000  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 131 | 2372210055   | Ngô Huỳnh Thùy Trang      | 08/5/1981  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 132 | 2372210118   | Nguyễn Thị Lưu Nhật Trinh | 02/10/1994 | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 133 | 2372210125   | Nguyễn Đồng Đức Trí       | 26/10/2000 | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 134 | 2372210126   | Đặng Quang Trung          | 25/01/1982 | 23XDH2K2-TA2.VT |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 135 | 2372210043   | Lê Mậu Tùng               | 08/7/1979  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 136 | 2372210058   | Nguyễn Thị Hồng Vân       | 07/5/1979  | 23XDH2K2-TA2.VT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 137 | 2372210059   | Nguyễn Thị Vi Vân         | 25/11/1988 | 23XDH2K2-TA2.VT |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 138 | 2372110037   | Nguyễn Thanh Tân          | 05/07/1987 | 23XDH2K2.TA1    |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 139 | 2372110021   | Phan Thị Thiên Trang      | 20/04/1995 | 23XDH2K2.TA1    |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 140 | 2372110018   | Võ Thanh Vang             | 04/07/1988 | 23XDH2K2.TA1    |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 141 | 2463212003   | Thái Thị Huỳnh Anh        | 03/07/1995 | 24V.CKQ20.2NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 142 | 2463212009   | Lê Thị Phương Chi         | 10/10/2001 | 24V.CKQ20.2NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 143 | 2463212023   | Trần Thu Hồng             | 18/04/2002 | 24V.CKQ20.2NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 144 | 2463212026   | Đỗ Thị Khánh Huyền        | 24/08/1998 | 24V.CKQ20.2NK   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 145 | 2463212010   | Nguyễn Thị Thanh Huyền    | 04/05/1999 | 24V.CKQ20.2NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên               | Ngày sinh  | Lớp              | Bóng<br>chuyền | Điền<br>kinh | Bóng<br>rổ | Bơi<br>lội | Cầu<br>lông | TD<br>NĐ | Bóng<br>bàn | Bóng<br>đá | Việt võ<br>đạo | Mua<br>y thái | Kết quả<br>New | Kết quả         | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------|------------|------------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|----------|-------------|------------|----------------|---------------|----------------|-----------------|---------|
| 146 | 2463212025   | Nguyễn Văn Tài          | 21/02/1991 | 24V.CKQ20.2NK    |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 147 | 2463212017   | Nguyễn Lê Minh Thùy     | 27/04/2000 | 24V.CKQ20.2NK    |                | x            |            |            | x           |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 148 | 2463212020   | Nguyễn Thùy Trâm        | 08/10/2000 | 24V.CKQ20.2NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 149 | 2463212027   | Trần Lê Thanh Tuyền     | 01/01/2001 | 24V.CKQ20.2NK    |                | x            |            |            |             |          |             |            | x              |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 150 | 2463212015   | Trần Thị Mỹ Viên        | 29/6/1998  | 24V.CKQ20.2NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 151 | 2363312001   | Diệp Gia An             | 01/09/1995 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 152 | 2363312016   | Ngô Hoàng Nam Anh       | 22/03/1991 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 153 | 2363312021   | Nguyễn Minh Anh         | 15/06/1998 | 23CDK19-KQ3      | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 154 | 2363312022   | Lê Thị Mỹ Linh          | 05/06/1995 | 23CDK19-KQ3      | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 155 | 2363312023   | Hồ Nhật Diễm Mi         | 15/10/1999 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 156 | 2363312026   | Phạm Thị Minh Ngọc      | 29/01/2000 | 23CDK19-KQ3      | x              |              |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 157 | 2363312003   | Mai Thị Yến Nhi         | 08/04/1998 | 23CDK19-KQ3      | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 158 | 2363312004   | Phùng Nguyễn Hồng Nhung | 11/09/2000 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 159 | 2363312006   | Tạ Phúc                 | 08/02/1994 | 23CDK19-KQ3      | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 160 | 2363312007   | Võ Ngọc Như Quỳnh       | 01/01/1999 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 161 | 2363312019   | Dương Thị Anh Thư       | 17/09/1998 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 162 | 2363312025   | Lê Thị Bé Trâm          | 24/04/1998 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 163 | 2363312024   | Đỗ Thị Phương Uyên      | 14/11/1998 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 164 | 2363312015   | Nguyễn Quốc Việt        | 29/01/1996 | 23CDK19-KQ3      |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2HP tự chọn  |         |
| 165 | 2362312001   | Trần Thúy Quỳnh Mai     | 23/07/1990 | 23DH2K9-KQ3      |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 166 | 2272110053   | Nguyễn Minh Tiếng       | 10/09/2000 | 22XDH2K1-TA1.LTT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 167 | 2463307024   | Phạm Vũ An              | 16/04/2003 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            |            | x           |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 168 | 2463307049   | Nguyễn Đức Nhật Anh     | 01/08/2004 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 169 | 2463307020   | Nguyễn Hồng Bảo Anh     | 04/12/1993 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 170 | 2463307036   | Nguyễn Thị Tuyết Anh    | 26/09/1999 | 24V.CMA20.3NK    | x              | x            |            |            |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 171 | 2463307001   | Lê Thị Nguyệt Ánh       | 02/05/2002 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 172 | 2463307028   | Võ Thị An Bình          | 04/11/2003 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 173 | 2463307047   | Mạch Khải Dinh          | 15/10/2004 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 174 | 2463307046   | Ngô Thị Đề              | 26/08/2000 | 24V.CMA20.3NK    |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 175 | 2463307041   | Nguyễn Đức Đông         | 07/09/1992 | 24V.CMA20.3NK    |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 176 | 2463307018   | Trần Nguyệt Hằng        | 20/03/2001 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 177 | 2463307060   | Thái Thị Thu Hiền       | 06/06/2000 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 178 | 2463307054   | Lê Phi Hiếu             | 27/11/2004 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 179 | 2463307042   | Đinh Ngọc Bảo Khanh     | 05/09/1998 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 180 | 2463307005   | Tô Văn Khanh            | 27/01/2000 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 181 | 2463307004   | Nguyễn Thị Hồng Ngân    | 10/03/2001 | 24V.CMA20.3NK    | x              | x            |            |            |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 182 | 2463307059   | Nguyễn Ngân Ngọc Ngọc   | 13/10/2005 | 24V.CMA20.3NK    |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 183 | 2463307025   | Nguyễn Thị Ngọc Nương   | 10/04/1996 | 24V.CMA20.3NK    |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên               | Ngày sinh  | Lớp             | Bóng<br>chuyền | Điền<br>kinh | Bóng<br>rổ | Bơi<br>lội | Cầu<br>lông | TD<br>NB | Bóng<br>bàn | Bóng<br>đá | Việt võ<br>đạo | Mua<br>y thái | Kết quả<br>New | Kết quả         | Ghi chú |
|-----|--------------|-------------------------|------------|-----------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|----------|-------------|------------|----------------|---------------|----------------|-----------------|---------|
| 184 | 2463307031   | Phan Minh Phát          | 22/09/2003 | 24V.CMA20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 185 | 2463307015   | Vũ Thanh Tâm            | 30/05/2000 | 24V.CMA20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 186 | 2463307016   | Đinh Thị Thái Thu       | 16/12/2000 | 24V.CMA20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 187 | 2463307026   | Hồ Thị Bích Thùy        | 04/01/2001 | 24V.CMA20.3NK   | x              | x            |            |            |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 188 | 2463307002   | Võ Thị Ngọc Trâm        | 08/07/2001 | 24V.CMA20.3NK   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 189 | 2463307035   | Nguyễn Thị Phương Trinh | 22/12/2003 | 24V.CMA20.3NK   |                | x            |            |            | x           |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 190 | 2463307062   | Đỗ Sơn Tùng             | 12/12/1987 | 24V.CMA20.3NK   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 191 | 2463307019   | Vũ Mai Uyên             | 16/10/2003 | 24V.CMA20.3NK   |                | x            |            |            | x           |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 192 | 2463307058   | Lê Xuân Việt            | 25/02/2003 | 24V.CMA20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1HP tự chọn  |         |
| 193 | 2463307023   | Vũ Đình Thảo Vy         | 22/05/2003 | 24V.CMA20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 194 | 2463301020   | Nguyễn Thị Ái Khanh     | 06/12/2000 | 24V.CKT20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 195 | 2463301012   | Nguyễn Thị Nhật Thảo    | 06/10/1998 | 24V.CKT20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 196 | 2463301037   | Nguyễn Thị Phương Thảo  | 09/01/2003 | 24V.CKT20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 197 | 2463301044   | Huỳnh Thị Hồng Thắm     | 10/10/1996 | 24V.CKT20.3NK   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 198 | 2463301040   | Nguyễn Thị Linh Trâm    | 28/07/1998 | 24V.CKT20.3NK   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 199 | 2463901027   | Lê Thùy An              | 09/04/1991 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 200 | 2463901001   | Đỗ Thị Lan Anh          | 17/05/2002 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 201 | 2463901002   | Trương Thị Thu Cúc      | 03/01/1995 | 24V.CKT20.4TN   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 202 | 2463901026   | Nguyễn Thị Ngọc Diễm    | 13/01/1994 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 203 | 2463901003   | Lê Thị Thanh Duyên      | 17/01/2001 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 204 | 2463901005   | Nguyễn Thị Hoài         | 10/02/1991 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 205 | 2463901028   | Nguyễn Thị Huệ          | 02/01/1992 | 24V.CKT20.4TN   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 206 | 2463901006   | Đỗ Thị Bích Kim         | 01/06/1990 | 24V.CKT20.4TN   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 207 | 2463901007   | Nguyễn Thị Hồng Lài     | 07/01/1991 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 208 | 2463901008   | Nguyễn Khánh Linh       | 27/07/1998 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 209 | 2463901009   | Huỳnh Phan Thanh Ngân   | 19/10/2001 | 24V.CKT20.4TN   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 210 | 2463901011   | Phạm Thị Cẩm Nhung      | 25/04/1993 | 24V.CKT20.4TN   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 211 | 2463901029   | Ngô Văn Phú             | 17/10/1998 | 24V.CKT20.4TN   |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 212 | 2463901019   | Lâm Thị Thanh Thảo      | 31/03/1993 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 213 | 2463901016   | Trần Thị Thanh Thuận    | 29/10/1989 | 24V.CKT20.4TN   | x              | x            |            |            |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 214 | 2463901024   | Nguyễn Minh Phương Thủy | 01/12/1996 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 215 | 2463901020   | Nguyễn Minh Thư         | 08/07/2001 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 216 | 2463901013   | Huỳnh Thị Mỹ Tiên       | 20/11/2003 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 217 | 2463901030   | Trần Huyền Trang        | 01/03/1993 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 218 | 2463901018   | Phạm Hoàng Yến          | 03/04/2002 | 24V.CKT20.4TN   |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 219 | 2421003317   | Nguyễn Ngọc Hà          | 04/11/2004 | TH_24DTM03      |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 220 | 2421002266   | Lý Hải Ngự              | 11/07/2005 | 24DLH01         |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 221 | 2372210047   | Nguyễn Thị Thùy         | 30/12/1985 | 23XDH2K2-TA2.VT |                | x            |            | x          |             |          |             |            | x              |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |

| STT | Mã sinh viên | Họ và tên           | Ngày sinh  | Lớp              | Bóng<br>chuyên | Điền<br>kinh | Bóng<br>rổ | Bơi<br>lội | Cầu<br>lông | TD<br>NĐ | Bóng<br>bàn | Bóng<br>đá | Việt võ<br>đạo | Mua<br>y thái | Kết quả<br>New | Kết quả         | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------|------------|------------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|----------|-------------|------------|----------------|---------------|----------------|-----------------|---------|
| 222 | 2363104009   | Lê Đức Nghĩa        | 25/05/1994 | 23CDK19TC1       |                | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 2 HP tự chọn |         |
| 223 | 2272110003   | Phạm Thị Hồng Duyên | 12/01/1994 | 22XDH2K1-TA1.VT  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 224 | 2372210014   | Đặng Thị Ngọc Hà    | 17/08/1987 | 23XDH2K2-TA2.VT  | x              | x            |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 225 | 2472310080   | Phạm Mạnh Tuyên     | 03/03/1980 | 24X.DTA3.1.HCQG  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 226 | 2372210026   | Vũ Hoàng Liên       | 28/08/1987 | 23XDH2K2-TA2.VT  |                |              |            | x          |             |          |             |            |                |               |                | BS 1 HP tự chọn |         |
| 227 | 2272110041   | Trương Thành Tín    | 26/04/1995 | 22XDH2K1-TA1.LTT |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 228 | 2363301005   | Nguyễn Thị Nhật Lệ  | 21/10/1998 | 23CDK19-KT3      |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |
| 229 | 2472310020   | Nguyễn Ngọc Huyền   | 16/09/1997 | 24X.DTA3.1.ILFM  |                |              |            |            |             |          |             |            |                |               |                | Đạt             |         |

Tổng số sinh viên theo danh sách: 229 (Hai trăm hai mươi chín).

NGƯỜI XÉT

KHOA CƠ BẢN